

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị kiểm kê: Phường Hà Huy Tập
Tên đơn vị kiểm kê: Phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường Hà Huy Tập
Mã đơn vị kiểm kê: 127003004
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu số 18-BB/HHTT

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THUỘC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THIẾT CHẾ THỂ THAO, LÀNG VĂN HÓA - DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
(Thời điểm chốt số liệu kiểm kê: 0h ngày 01/01/2026)

Hôm nay, ngày 07 tháng 05 năm 2026
Tổ kiểm kê gồm:
1. Ông/Bà: Nguyễn Văn Ninh. Chức vụ: - Tổ trưởng

Đã tiến hành kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa thể thao do Phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường Hà Huy Tập quản lý/ham quản lý, kết quả như sau:

STT	Danh mục tài sản	Mã đơn vị quản lý tài sản tại 01/01/2025	Địa bàn tài sản (Bổ với TSCĐ là đất và TSKCHT)		Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng					Chỉ tiêu về hiện vật					Chỉ tiêu về giá trị					Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản					Ảnh hưởng bồi thien tại (bảo,lb) từ 2023 đến hết 2025 (chỉ tính với nhà, công trình xây dựng)		Tài sản trên đất
			Tỉnh/ Thành phố	Xã/ Phường			Đơn vị tính	Theo số kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch (10) - (9)	Đơn vị tính	Theo số kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch (14) - (13)	(15) = (14) - (13)	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được-SD đúng mục đích			Còn sử dụng được-SD không đúng mục đích	Còn sử dụng được-SD không đúng	Hỏng, không sử dụng được	Có	Không	Số lần xảy ra (nếu có)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (10) - (9)	(12)	(13)	(14)	(15) = (14) - (13)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)				
1	Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao				1801		-				-				313.216.806,20 0	303.548.728,96 0		65		59		6			65						
1	Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã (****)				180101		-				-				8.110.495.000	4.471.098.800		3		3					3		0				
1.1	Đội				18010101		Khiếu viên				m2																				
1.2	Nhà				18010102		Cải				m2																				
1.3	Công trình khác				18010103		Cải	3	3		-				8.110.495.000	4.471.098.800		3		3					3		0				
	Sân vận động xã Thạch Hương (Sân nền)		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2018	Cải	1	1		-				851.570.000	340.628.000		1		1					1						
	Khu thể thao xã Tân Lâm Hương		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2024	Cải	1	1		-				4.347.864.000	4.130.470.800		1		1					1						
	Sân vận động xã Thạch Tân		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2014	Cải	1	1		-				2.911.061.000			1		1					1						
2	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn (tàng, ấp, bản và tương đương)				180102		-				-				305.106.311,20 0	299.077.630,16 0		62		56		6			62		0				

2.1	Đất			180/02		Khuôn viên	4/1	4/1		m ²	68.865,5	68.865,5		285.752.104.800	285.752.104.800		4/1	35	6		4/1	0
	Đất khuôn viên nhà văn hóa TDP 17	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	2.400,6	2.400,6		9.362.340.000	9.362.340.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa TDP 18	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	632,6	632,6		2.467.140.000	2.467.140.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa thôn Thằng Hòa	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	392,3	392,3		1.961.500.000	1.961.500.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Trung Hòa	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	2.596,6	2.596,6		30.899.540.000	30.899.540.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Tân Tiến	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	801,1	801,1		2.563.520.000	2.563.520.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Tân Hòa	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	472,8	472,8		2.127.600.000	2.127.600.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Kỳ Các	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	1.454,4	1.454,4		5.090.400.000	5.090.400.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa TDP 1 Đại Nài	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	486	486		2.041.200.000	2.041.200.000		1		1			
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Yên Trung	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	260	260		1.560.000.000	1.560.000.000		1		1			
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Yên Bình	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	350	350		735.000.000	735.000.000		1		1			
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Yên Bình	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	240	240		504.000.000	504.000.000		1		1			
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Sơn Trinch	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	2.000	2.000		3.000.000.000	3.000.000.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Yên Trung	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	1.000	1.000		5.000.000.000	5.000.000.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Tân Hòa 1	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	3.849,6	3.849,6		19.248.000.000	19.248.000.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Yên Bình	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	655,9	655,9		983.850.000	983.850.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Minh Đình	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	5.742,2	5.742,2		11.484.400.000	11.484.400.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa thôn Thông Nhứt	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2005	Khuôn viên	1	1		m ²	2.139	2.139		6.844.800.000	6.844.800.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa thôn Nam Thương	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2005	Khuôn viên	1	1		m ²	1.450	1.450		17.226.000.000	17.226.000.000		1	1				
	Đất khuôn viên nhà văn hóa La Xã	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m ²	642,3	642,3		5.395.320.000	5.395.320.000		1	1				

	Đất khuôn viên nhà văn hóa Bình Tiến	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2000	Khuôn viên	1	1	m2	2.104,3	2.104,3	6.733.760.000	6.733.760.000		1	1						1	
	Đất khuôn viên nhà văn hóa Nhân Hòa	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2000	Khuôn viên	1	1	m2	1.227,2	1.227,2	6.136.000.000	6.136.000.000		1	1						1	
2.2	Miêu			1/80/02	Cái	1/6	1/6	m2	4.216,7	4.216,7	16.044.200.400	10.581.248.524		1/6		1/6					1/6	
	Nhà văn hóa thôn Liên Hương	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2015	Cái	1	1	m2	250	250	1.658.632.000	1.240.377.580		1	1						1	
	Nhà văn hóa thôn Liên Vinh	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2016	Cái	1	1	m2	250	250	1.672.717.000	1.257.099.610		1	1						1	
	Nhà hội quán Kp3 Đại Nài	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2009	Cái	1	1	m2	108,2	108,2	270.476.000			1	1						1	
	Nhà hội quán khối 1, phường Đại Nài	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2012	Cái	1	1	m2	146	146	504.892.000	67.100.147		1	1						1	
	Nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh bão, lũ tại TDP 2, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh (02 tầng *200m2)	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2021	Cái	1	1	m2	200	200	2.561.884.000	1.925.721.851		1	1						1	
	Nhà văn hóa thôn Thông Nhứt (Nhà Dươn)	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2016	Cái	1	1	m2	220	220	1.541.326.000	1.222.437.096		1	1						1	
	Nhà Văn hóa Thôn Tiên Thường	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2014	Cái	1	1	m2	138	138	708.295.400	240.678.778		1	1						1	
	Nhà Văn Hóa thôn Kỳ Các	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2014	Cái	1	1	m2	155	155	895.078.000	304.147.502		1	1						1	
	Nhà văn hóa thôn La Xá xã Tân Lâm Hương	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2022	Cái	1	1	m2	200	200	1.256.704.000	879.692.800		1	1						1	
	Nhà văn hóa thôn Yên Trung	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2017	Cái	1	1	m2	544,8	544,8	675.793.000	360.265.249		1	1						1	
	Nhà Văn hóa Phải Nam xã Thạch Lâm	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2017	Cái	1	1	m2	132	132	460.653.000	245.574.115		1	1						1	
	Nhà văn hóa thôn Minh Đình	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2017	Cái	1	1	m2	1.095,7	1.095,7	606.892.000	323.534.128		1	1						1	
	Nhà văn hóa thôn Kỳ Phong	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2015	Cái	1	1	m2	250	250	892.512.000	655.996.320		1	1						1	
	Nhà văn hóa thôn Tân Hòa, xã Tân Lâm Hương	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2024	Cái	1	1	m2	152	152	1.733.066.000	1.617.470.497		1	1						1	
	Nhà Văn hóa thôn Sơn Trinch, xã Thạch Lâm	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2019	Cái	1	1	m2	150	150	96.777.000	70.956.896		1	1						1	
	Nhà hội quán xóm Vạn Minh	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	2012	Cái	1	1	m2	225	225	508.503.000	170.195.955		1	1						1	

2.3	Công trình khác				180102		Cải	5	5		-					3.310.006.000	2.744.276.836		5		0
	Nhà văn hóa thôn Nam Bình xã Thạch Đại	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2020	Cải	1	1		-						450.231.000	360.139.776		1	1	
	Nhà văn hóa thôn Kỳ Sơn, xã Thạch Đại	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2021	Cải	1	1		-						753.928.000	653.354.004		1	1	
	Chinh trang via hè, nương thoát nước trung tâm thể thao xã Tân Lâm Hương	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2024	Cải	1	1		-						683.979.000	615.581.100		1	1	
	Sân vận động xã Thạch Hương (Cổng, hàng rào và nương thoát nước)	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2018	Cải	1	1		-						702.214.000	491.549.800		1	1	
	Nhà văn hóa thôn Bàu Láng, xã Thạch Đại	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2021	Cải	1	1		-						719.654.000	623.652.156		1	1	
3	Thư viện công cộng cấp xã (*****)				180103	-				-											
3.1	Dải				180103	Khướn viên				m2											
3.2	Nhà				180103	Cải				m2											
3.3	Công trình khác				180103	Cải				-											
II	Hệ thống hạ tầng trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam				1802	-				-											
I	Đường giao thông nội bộ (bao gồm cả các công trình gần với đường giao thông nội bộ)				180201	Tuyến/Đoạn				km											
2	Tài sản kết cấu hạ tầng khác				180202	Hệ thống				-											
2.1	Hạ tầng cấp				180202	Hệ thống				-											
2.2	Hệ thống cấp điện				180202	Hệ thống				-											
2.3	Hệ thống cấp nước				180202	Hệ thống				-											
2.4	Hệ thống bãi đỗ xe				180202	Hệ thống				m2											
2.5	Hạ tầng khác				180202	Hệ thống				-											
	TỔNG CỘNG						65	65	0							313.216.806.200	303.548.728.960	0	65	0	59
																			6	0	65
																				0	0



Ngày 07 tháng 05 năm 2026
Trưởng Phòng Kế
PHÒNG KẾ

Hướng dẫn lập Mẫu số 18-BB/HT/HTT

- (*) Ghi tên "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh..." đối với "Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao", ghi "Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch" đối với "Hệ thống hạ tầng trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam".
- (**) Ghi tên đơn vị kiểm kê là đơn vị được giao trực tiếp quản lý/tạm quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hóa. Trong đó, đối với "Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao" thì ghi "Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu", đối với "Hệ thống hạ tầng trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam" thì ghi "Cơ quan nhà nước", đối với "Hệ thống hạ tầng trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam" thì ghi "đơn vị sự nghiệp công lập".
- (***) Chỉ rõ loại hình của đơn vị kiểm kê: Đối với "Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao" thì ghi "Cơ quan nhà nước", đối với "Hệ thống hạ tầng trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam" thì ghi "đơn vị sự nghiệp công lập".
- (****) Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã bao gồm: Trung tâm/Nhà văn hóa; Trung tâm/Sân thể thao; Trung tâm/Nhà văn hóa - thể thao.
- (*****) Chỉ phân ánh đối với các "Thư viện công cộng cấp xã" không thuộc "Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã" đã phân ánh tại STT 1 Phần I.
- Cột (2): Trường hợp một hệ thống gồm nhiều tài sản riêng lẻ và các tài sản riêng lẻ đó được hạch toán riêng nhưng danh mục theo Biểu mẫu yêu cầu báo cáo theo hệ thống thì đơn vị kiểm kê thực hiện kiểm kê chi tiết theo từng tài sản và khi tổng hợp vào Biên bản kiểm kê, báo cáo kiểm kê thì đơn vị kiểm kê thực hiện gộp chung để báo cáo thành hệ thống. Trường hợp có phải sinh chênh lệch (thừa/thiếu) đối với tài sản riêng lẻ thì đơn vị kiểm kê xử lý thừa/thiếu theo quy định của pháp luật. Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi số kê toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.
- Cột (3): Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6 (b) mục III Công văn hướng dẫn.
- Cột (6): Mã số của từng nhóm tài sản được xác định theo Mẫu. Mã số của từng tài sản do Phần mềm tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản tự động tạo mã.
- Cột (7): Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi "N/A". Trường hợp tài sản được tiếp nhận do được giao/điều chuyển thì năm đưa vào sử dụng không phải là năm đơn vị tiếp nhận tài sản mà là năm tài sản bắt đầu đưa vào sử dụng lần đầu tiên.
- Cột (14): Xác định theo bản đồ đặc của tổ chức có chức năng (trong trường hợp đơn vị thuê tổ chức có chức năng thực hiện đo đạc lại). Trường hợp đơn vị không thuê tổ chức có chức năng đo đạc lại thì xác định theo hồ sơ có tại thời điểm kiểm kê như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản đồ hiện trạng vị trí, Quyết định giao/cho thuê đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt quyết toán, Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.... Trường hợp không có bản đồ đặc của tổ chức có chức năng, không có hồ sơ xác định diện tích thì đơn vị tự thực hiện đo đạc để phục vụ kiểm kê và chịu trách nhiệm về số liệu.
- "Tổng diện tích sản xây dựng" là tổng diện tích của tất cả các tầng của nhà
- Cột (16), (17): Xác định theo hướng dẫn tại điểm 1, điểm 2 (2.9), điểm 3 mục III Công văn hướng dẫn.
- Cột (18): Đơn vị chỉ kê số liệu vào cột này trong trường hợp không có căn cứ để xác định nguyên giá, GTCL của tài sản (Nguyên giá, GTCL được xác định giá trị là 1 đồng) và từ ngày 01/01/2018 đến nay có dấu tự nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xác định giá trị đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3 Mục III Công văn hướng dẫn
- Cột (19), cột (20): Đơn vị ghi số "1" vào cột (19) nếu đã ghi số, số "1" vào cột (20) nếu chưa ghi số. (Lưu ý: Chỉ điền một trong hai cột đối với 01 tài sản).
- Cột (21), (22), (23), (24): Điền số "1" vào ô tương ứng với tình trạng của tài sản (Đối với 1 tài sản chỉ điền 1 trong 4 ô).
- Cột (25), (26), (27): Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6 (b) mục III Công văn hướng dẫn.
- Cột (28): Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6 (c) mục III Công văn hướng dẫn.

